CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
JAPAN VIETNAM LIVESTOCK CO., LTD

Số/*No.*: 2402-01/TB-JVL.QAC/2025

V/v Thông báo điều chỉnh thông tin sản phẩm sau khi tự công bố.
Re: Product information adjustment announcement after Self-declaration

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Independence – Freedom – Happiness

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 02 năm 2025
Vinh Phuc, date... month... year 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH VĨNH PHÚC
ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc
To: Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc

Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật trân trọng gửi lời cám ơn đến sự hỗ trợ của Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc trong thời gian qua.

Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. would like to sincerely thanks for support of the Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc towards our unit during the past period.

Ngày 20/11/2024 Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật là đơn vị thực hiện tự công bố các sản phẩm theo trình tự tại Điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định về nội dung Hướng dẫn Luật An toàn Thực phẩm, bao gồm:

On 20th November 2024 Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. completed the self-declaration of products in accordance with the procedures specified in Article 5 of Decree 15/2018/ND-CP, which provides guidance on the Food Safety Law, including:

STT. *No.*	**Số hồ sơ** *Document no.*	**Ngày công bố** *Date*	**Tên sản phẩm** *Name product*
1	01/JVL-TD/2024	20/11/2024	THỊT BÒ FIRST-Y VINABEEF *(VINABEEF FIRST-Y BEEF)*
2	02/JVL-TD/2024	20/11/2024	THỊT BÒ VINABEEF *(VINABEEF BEEF)*

Bằng thông báo này, căn cứ theo Khoản 4, Điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về một số nội dung của Luật An toàn Thực phẩm và Công văn số 25/CCCN&TY-KD&CĐXN của Chi cục Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Phúc đồng ý theo đề xuất của Công ty thay đổi hình thức từ "đánh dấu kiểm soát giết mổ" trên bao bì sản phẩm sang hình thức "đóng dấu kiểm soát giết mổ" trực tiếp trên thân thịt gia súc, Công ty xin thông báo đến Quý cơ quan về việc điều chỉnh một số thông tin trong Hồ sơ công bố sản phẩm như sau:

*By this notice, based on Clause 4, Article 5, Decree 15/2018/ND-CP detailing some contents of the Law on Food Safety and and **Official Dispatch No. 25/CCCN&TY-KD&CĐXN** from the Vinh Phuc Animal Husbandry and Veterinary Sub-Department agrees with the company's proposal to change the form of "slaughter control marking" on product packaging to "slaughter control stamping" directly on the carcass of livestock, the Company informs the relevant authorities about the adjustment of some information in the Product Announcement Dossier as follows:*

NỘI DUNG THAY ĐỔI/ *CONTENT OF CHANGES*

1. Điều chỉnh mục **II.3 Thời hạn sử dụng sản phẩm**, nội dung sau khi điều chỉnh như sau:
*Adjustment of Section **II.3 Product Shelf Life**, the content after adjustment is as follows:*

- 60 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C.

- *60 days from the date of production for products stored under conditions of (-2°C) – 2°C.*
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản ≤ -18°C.
- *18 months from the date of manufacture for products stored at conditions below -18°C.*

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ
MFG date can be found on the label or the sub-label.

STT. *No.*	Mã sản phẩm – *Product code*	Hạn sử dụng/ *Shelf-life*	
		Bảo quản mát/ *Chilled* (-2°C) - 2°C	Bảo quản đông/ *Frozen* ≤ -18°C
1	Thăn nội bò không diềm - Tenderloin Side Strap Off	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
2	Đầu thăn ngoại bò - Rib Eye	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
3	Nắp đầu thăn bò - Rib Cap	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
4	Thăn ngoại bò - Striploin	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
5	Thăn vai bò - Chuck Roll	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
6	Cổ vai bò - Chuck Eye Roll	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
7	Lõi vai bò - Top Blade	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
8	Lõi cổ bò - Chuck Tender	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
9	Nạc vai bò - Bolar Blade	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
10	Nạc cổ bò - Neck	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
11	Sườn non bò có xương - Short Rib BI (6-8; 6-10)	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
12	Nắp thịt sườn non bò – Short Rib Cap	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
13	Sườn cọng bò - Tomahawk	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
14	Đầu thăn ngoại bò có xương - Ribeye Bone-in (OP RIB)	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
15	Thăn lưng bò có xương - Shortloin	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
16	Diềm bụng bò – Flap meat	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
17	Đầu gầu bò không nắp - Point End Deckle Off	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
18	Đuôi gầu bò - Navel End Brisket	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
19	Thịt sườn bò không xương - Short Ribs Boneless	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
20	Thịt sườn vai bò không xương – Chuck Short Ribs Boneless	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
21	Nạm bụng bò - Flank	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
22	Thăn bụng bò - Flank Steak	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
23	Dẻ sườn bò - Rib Finger	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
24	Diềm thăn trong bò - Inside Skirt	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
25	Diềm thăn ngoài bò - Outside Skirt	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
26	Dải thăn bò - Hanging Tender	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
27	Nạc mông bò - Rump	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
28	Nạc mông bò không nắp - Rump Cap Off	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
29	Nắp nạc mông bò - Rump Cap	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
30	Nạc đùi bò - Topside	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
31	Nạc đùi bò không nắp - Topside Cap Off	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
32	Nắp nạc đùi bò - Topside Cap	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
33	Lõi mông bò - Eye Round	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*

37	Bắp bò - Shin Shank	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
38	Bắp Hoa bò - Shin Shank Special Trim	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
39	Lõi rùa bò - Golden Coin Shin Shank	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
40	Thịt vụn bò 75CL - Trimming 75CL	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
41	Thịt vụn bò - Trimming	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
42	Thịt bò Kiriotoshi	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
43	Gân chữ Y bò – Hock Tendon	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
44	Đuôi bò - Tail	60 ngày/ *days*	18 tháng/ *months*
45	Mỡ bò (CD) - Fat (CD)	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*
46	Xương ống bò - Marrow bone (Whole)	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*
47	Xương ống tủy bò cắt đôi - Marrow bone (Cut)	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*
48	Đầu xương ống bò - Leg bone (Pieces)	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*
49	Xương bò hầm nước - Stock bone	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*
50	Xương bò hỗn hợp các loại - Mixed bone	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*
51	Mỡ bò (Thận) – Suet (Kidney fat)	Không áp dụng – *N/A*	18 tháng/ *months*

2. Điều chỉnh mục **III. Mẫu nhãn sản phẩm** (mẫu nhãn sản phẩm đính kèm thông báo này)
*Adjustment of Section **III. Product label** (Sample product label attached to this notice)*

Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không thay đổi với các thông tin đã công bố. Đính kèm là Hồ sơ Tự Công bố số 01/JVL-TD/2024 và số 02/JVL-TD/2024 đã được điều chỉnh, bổ sung ngày 24/02/2025.

Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. assures that the product quality and information about the product's name, origin, and composition remain unchanged as declared. Attached is the updated and supplemented Self-Declaration no. 01/JVL-TD/2024 and no. 02/JVL-TD/2024, dated 24/02/2025.

Kính đề nghị **Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc** tiếp nhận và lưu trữ thông tin hồ sơ sản phẩm, tạo điều kiện cho Đơn vị sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

*We respectfully request that the **Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc** receive and maintain the product dossier information, as well as assist our unit's production and commercial activities to better serve customers.*

Xin trân trọng cảm ơn./.

Respectfully,

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION

CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

YOICHI HARUMOTO

Nơi nhận/ Recipients:
- *Như trên/ As above;*
- *Lưu tại HCNS/ Saved at HRGA*

Đính kèm bản tự công bố/ *Attach self-declaration No* : 02/JVL-TD/2024

Ngày/ *Date*: 24/02/2025

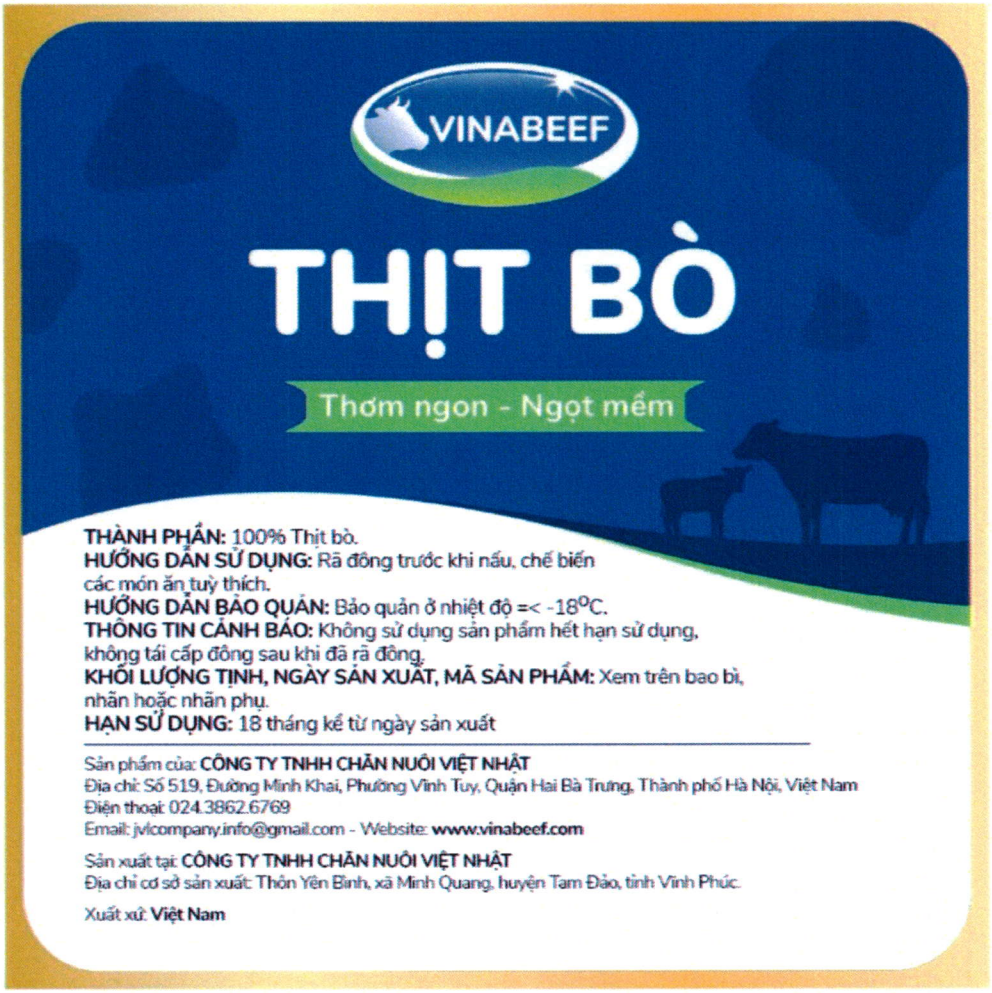

Mã sản phẩm:	
Mã code:	
Ngày sản xuất:	
Hạn sử dụng:	
Điều kiện bảo quản:	
Lô sản xuất:	
Khối lượng tịnh:	**kg**

M.S.D.N: 0109752537 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

YOICHI HARUMOTO

Đính kèm bản tự công bố/ *Attach self-declaration No* : 02/JVL-TD/2024

Ngày/ *Date*: 24/02/2025

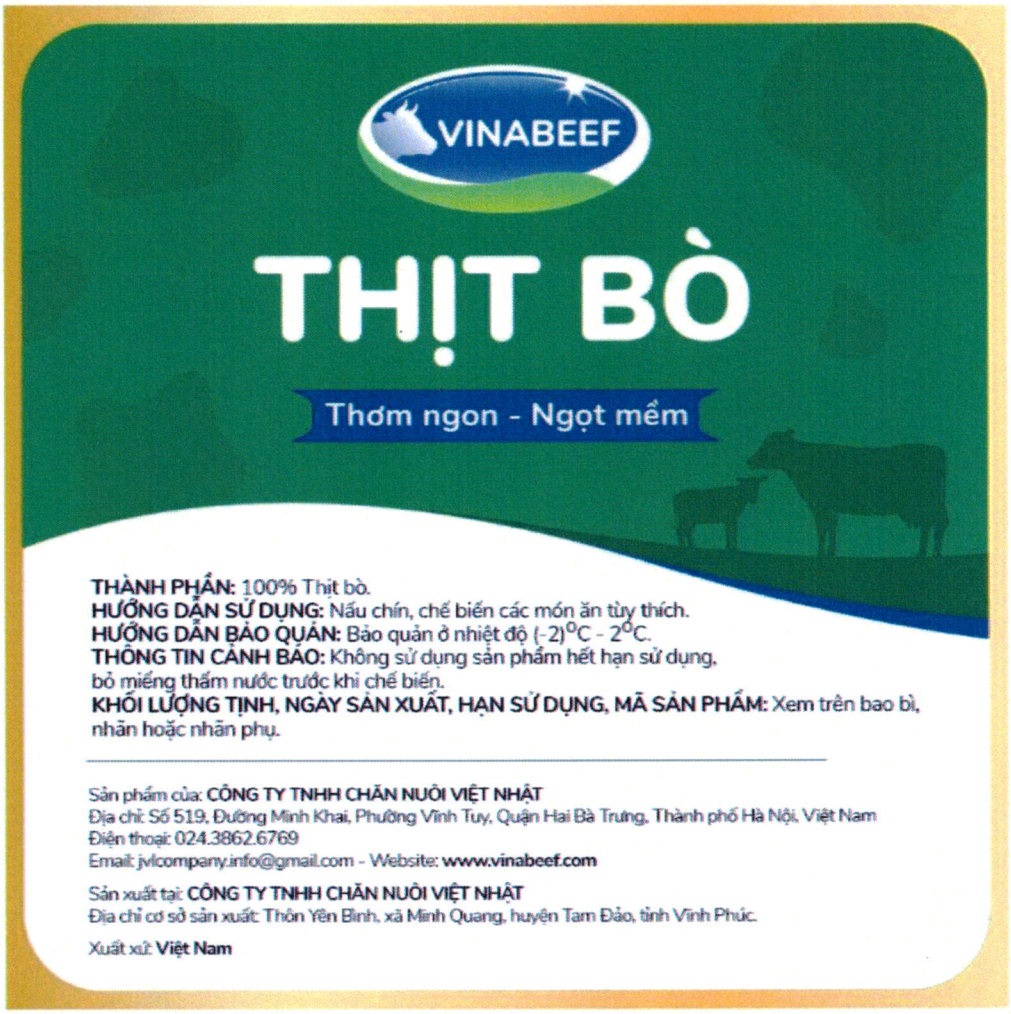

Mã sản phẩm:
Mã code:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Điều kiện bảo quản:
Lô sản xuất:
Khối lượng tịnh: kg

M.S.D.N: 0109752537 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

YOICHI HARUMOTO